

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành, nghề: **HỘ SINH**

Mã ngành, nghề: **6720303**

Trình độ đào tạo: **CAO ĐẲNG**

Hình thức đào tạo: **CHÍNH QUY**

Đối tượng tuyển sinh: Người có bằng Tốt nghiệp Phổ thông hoặc tương đương.

Thời gian đào tạo: 03 năm học

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người Hộ sinh trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề hộ sinh ở trình độ cao đẳng, có sức khoẻ, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Về kiến thức:

- Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh; Chính sách, pháp luật của nhà nước; có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành được đào tạo; có khả năng nắm bắt tình hình thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Biết sử dụng các chương trình tin học văn phòng, bảng tính Exel, PowerPoint.

- Biết sử dụng ít nhất một ngoại ngữ, có khả năng giao tiếp ở trình độ thông thường.

- Có kiến thức về giải phẫu, sinh lý cơ thể con người, đặc biệt là những thay đổi về thể chất, sinh lý và tinh thần của người phụ nữ trong các thời kỳ mang thai, trong khi đẻ và sau đẻ. Từ đó có thể lập kế hoạch chăm sóc và đưa ra các biện pháp xử lý chăm sóc thích hợp cho bà mẹ và trẻ sơ sinh.

- Có kiến thức về quản lý y tế, quản lý Hộ sinh để lãnh đạo và quản lý công tác chăm sóc một cách hiệu quả.

- Am hiểu luật khám chữa bệnh để hành nghề theo quy định của pháp luật và phù hợp với chức trách, nhiệm vụ, năng lực chuyên môn trong phạm vi quy định của nghề nghiệp.

1.2.2. Về kỹ năng:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng sản phụ khoa cơ bản.

- Sử dụng được qui trình điều dưỡng sản phụ khoa khi thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng sản phụ khoa cơ bản.

- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc cho thai phụ, sản phụ, người bệnh.

- Theo dõi, đánh giá và xử trí kịp thời tình trạng thai phụ, sản phụ, người bệnh trong quá trình chăm sóc.

- Giao tiếp được với thai phụ, sản phụ và gia đình trong các trường hợp cụ thể đảm bảo hiệu quả và hài lòng.

- Tư vấn và giáo dục sức khỏe được cho thai phụ, sản phụ, người bệnh hoặc cộng đồng về sức khỏe sinh sản hiệu quả.

- Lập được kế hoạch quản lý thời gian, quản lý vật tư tài sản, quản lý nhân lực, quản lý chất lượng chăm sóc người bệnh.

- Thuyết trình được kế hoạch quản lý liên quan đến công tác chăm sóc người bệnh đảm bảo rõ ràng, đầy đủ, logic.

- Điều hành được cuộc họp liên quan đến công tác điều dưỡng đảm bảo đạt mục tiêu và thời gian.

- Kỹ năng quản lý, giải quyết vấn đề và lãnh đạo.

- Kỹ năng cá nhân: Có khả năng làm việc độc lập, tự tin trong môi trường làm việc khác nhau, có kỹ năng phân tích thực trạng về điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, rủi ro, kỹ năng đặt mục tiêu và kỹ năng phát triển cá nhân.

- Kỹ năng làm việc nhóm: Có khả năng điều chỉnh tính cách bản thân để hợp tác, cộng tác với các thành viên khác trong nhóm nhằm đạt mục tiêu nhóm.

- Kỹ năng sử dụng các phần mềm tin học, ngoại ngữ và internet: Sử dụng được các phần mềm tin học, ngoại ngữ và internet phục vụ cho quá trình học tập và làm việc.

1.2.3. Về thái độ:

- Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân nói chung, chăm sóc bà mẹ, trẻ em nói riêng.

- Ứng xử với người bệnh/ gia đình người bệnh, đồng nghiệp phù hợp với văn hóa và đạo đức nghề nghiệp.

- Có tinh thần tôn trọng, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp, bà mẹ, trẻ em và gia đình họ trong quá trình chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em.

- Tôn trọng quyền người bệnh và người nhà trong khám bệnh, chữa bệnh.

- Trung thực, khách quan, thận trọng, chính xác trong khi thực hiện nhiệm vụ, luôn cố gắng học tập vươn lên để nâng cao trình độ chuyên môn.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Sau khi học xong chương trình cao đẳng nghề Hộ sinh, sinh viên có thể:

- Làm việc tại các cơ sở khám chữa bệnh công lập ở tất cả các tuyến từ cơ sở đến Trung Ương.

- Làm việc tại các cơ sở khám chữa bệnh tư nhân.

- Làm việc tại các cơ sở đào tạo cán bộ y tế.

- Làm việc tại các Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 36.

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 118 tín chỉ.

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 450 giờ.

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2.550 giờ.

- Khối lượng lý thuyết: 826 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.992 giờ.

3. Nội dung chương trình:

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập	Kiểm Tra
I	Các môn học chung:					
MH01	Chính trị	5	90	60	24/0	6
MH02	Pháp luật	2	30	22	6/0	2
MH03	Giáo dục thể chất	2	60	4	52/0	4
MH04	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	36/0	3
MH05	Tin học	3	75	17	54/0	4
MH06	Ngoại ngữ	4	120	30	88/0	2
	Tổng	19	450	169	260/0	21
II	Các môn học, mô đun chuyên môn					
<i>II.1</i>	<i>Môn học, mô đun cơ sở</i>					
MĐ07	Khoa học cơ bản	4	105	15	84/0	6
MH08	Giải phẫu - Sinh lý	4	75	45	28/0	2
MĐ09	Vi sinh – Ký sinh trùng	3	60	30	28/0	2
MĐ10	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	2	45	15	28/0	2
MĐ11	Sinh học và Di truyền	2	45	15	28/0	2
MĐ12	Hóa sinh	3	60	30	28/0	2
MĐ13	Dược lý	3	60	30	28/0	2
MH14	Tổ chức y tế - Đạo đức người hộ sinh	2	30	29	0/0	1
MĐ15	Dinh dưỡng – Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	45	15	28/0	2
MĐ16	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	45	15	28/0	2
MĐ17	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu	5	120	30	75/0	15
MĐ18	Giao tiếp – Nâng cao sức khỏe - SKMTVS	3	60	30	28/0	2
MH19	Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm	2	30	28	0/0	2
	Tổng	37	780	327	411/0	42
<i>II.2</i>	<i>Môn học, Mô đun chuyên môn</i>					
MĐ20	Chăm sóc sức khỏe sinh sản	4	105	30	24/41	10

MĐ21	Chăm sóc thai nghén	4	105	30	24/41	10
MĐ22	Chăm sóc hộ sinh nâng cao	3	105	15	0/85	5
MĐ23	Chăm sóc chuyên dạ và đẻ thường	5	150	30	24/86	10
MĐ24	Chăm sóc chuyên dạ và đẻ khó	5	150	30	24/86	10
MĐ25	Chăm sóc sau đẻ	4	135	15	24/86	10
MĐ26	Dân số và kế hoạch hóa gia đình	3	90	15	24/41	10
MĐ27	Phá thai an toàn	3	90	15	24/41	10
MĐ28	Xét nghiệm hỗ trợ chẩn đoán và CSSKSS	2	60	15	0/40	5
MĐ29	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	5	150	30	28/82	10
MĐ30	Quản lý hộ sinh	2	45	15	26/0	4
MĐ31	Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng	3	105	15	0/85	5
MĐ32	Điều dưỡng nội khoa	3	75	30	0/40	5
MĐ33	CSSK người lớn bệnh ngoại khoa	3	75	30	0/40	5
MĐ34	Chăm sóc bệnh truyền nhiễm	2	60	15	0/40	5
MĐ35	Thực tế ngành	6	270	0	0/265	5
MĐ36	Ôn và thi tốt nghiệp	5				
	Tổng	62	1.770	330	222/1.099	119
	Tổng cộng	118	3.000	826	893/1.099	182